Cáp kết nối
NEBC-M12W8-E-2-N-B-LE8

Số bộ phận: 8094476

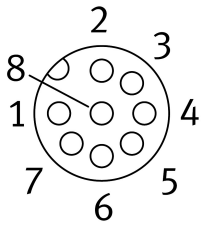

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 61076-2-101
Giấy phép	c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E474609
Tên cáp	không giá biển báo
trọng lượng sản phẩm	105 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	được kê góc
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	8
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	8
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	8
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	8
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...30 V
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...30 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	2 A
Độ chịu điện áp xung	0.8 KV
Lớp bảo vệ	không
Chiều dài cáp	2 m
Đặc điểm dây dẫn	thích hợp cho máng xích
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	30 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	30 mm
Đường kính cáp	6 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,2 mm

Đặc tính	Giá trị
Cấu tạo cáp	8 x 0,25 mm²
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.25 mm²
Đầu dây	tước
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...90 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-25 °C...90 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	màu xám bạc
Vật liệu vỏ	TPE-U(PUR)
nhà màu	màu đen
Vật liệu khóa vít	Kẽm đúc áp lực, mạ niken
Vật liệu của phớt	NBR
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau
Vật liệu vỏ cách điện	PP